



**CÔNG TY CỔ PHẦN PETEC  
BÌNH ĐỊNH**

**Báo cáo tài chính giữa niên độ**

**Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2022**

MỤC LỤC	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	1 - 3
Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ	4
Báo cáo tài chính giữa niên độ	
• Bảng cân đối kế toán giữa niên độ	5 - 6
• Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ	7
• Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ	8
• Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ	9 - 31



## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Petec Bình Định công bố báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2022 đã được soát xét.

### Thông tin khái quát

Công ty Cổ phần Petec Bình Định (tên viết tắt là "PETEC BIDICO" sau đây gọi tắt là "Công ty") được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa Doanh nghiệp nhà nước (Công ty Thương nghiệp Tổng hợp Bình Định thuộc Ủy ban Nhân dân Tỉnh Bình Định chuyển đổi thành Công ty Cổ phần thương mại Bình Định) theo Quyết định số 35/2001/QĐ-UB ngày 14/05/2001 của Ủy ban Nhân dân Tỉnh Bình Định và Quyết định số 98/QĐ-CPTM ngày 14/04/2007 đổi tên Công ty Cổ phần Thương mại Bình Định thành Công ty Cổ phần Petec Bình Định của Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Thương mại Bình Định. Công ty được Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Định cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3503000014 ngày 15/05/2001. Từ khi thành lập đến nay Công ty đã 14 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (nay là Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4100406219) và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 05/07/2022. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập hoạt động theo Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan.

Vốn điều lệ : 40.391.470.000 đồng.

Vốn góp thực tế đến 30/06/2022: 40.391.470.000 đồng.

Cổ phiếu của công ty đã chính thức giao dịch trên thị trường Upcom tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội kể từ ngày 21/12/2016 với mã chứng khoán GCB.

Tại ngày 30/06/2022, Công ty có 6 đơn vị trực thuộc:

- Chi nhánh Công ty Cổ phần Petec Bình Định tại Thành phố Hồ Chí Minh;
- Cửa hàng Xăng dầu Trung Hậu - Đường Đào Tấn - TP Quy Nhơn;
- Cửa hàng Xăng dầu Trung Hậu - Đường Hùng Vương - TP Quy Nhơn;
- Cửa hàng Xăng dầu Phước Lộc - Tuy Phước - Bình Định;
- Cửa hàng Xăng dầu Hoài Hào - Hoài Nhơn - Bình Định;
- Cửa hàng Xăng dầu Chợ Gồm - Phù Cát - Bình Định.

### Trụ sở chính

- Địa chỉ: 389 Trần Hưng Đạo - Phường Trần Hưng Đạo - Thành phố Quy Nhơn - Tỉnh Bình Định.
- Điện thoại: (84) 0256 3822 233
- Fax: (84) 0256 3823 863
- Website: [www.petecbidico.com.vn](http://www.petecbidico.com.vn)

### Ngành nghề kinh doanh chính

- Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan. Chi tiết: Bán buôn than đá và nhiên liệu rắn khác, bán buôn dầu thô, bán buôn xăng dầu và các sản phẩm liên quan và bán buôn khí đốt và các sản phẩm liên quan;
- Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh. Chi tiết: Bán lẻ xăng dầu và các sản phẩm liên quan;
- Bán buôn thực phẩm;

**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)**

- Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống. Chi tiết: Mua bán thức ăn gia súc, hàng nông sản;
- Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc Lào chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp. Chi tiết: Mua bán hàng công nghệ phẩm, sữa và các sản phẩm từ sữa, nước giải khát, thuốc lá, rượu, bia, mỹ phẩm, hàng thủ công mỹ nghệ;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: Kinh doanh bất động sản, đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng đô thị, khu công nghiệp; Cho thuê văn phòng, cửa hàng, ki ốt;
- Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại. Chi tiết: Tổ chức hội thảo, hội nghị, triển lãm quốc tế;
- Khách sạn;
- Nhà hàng, quán ăn, hàng ăn uống;
- Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng. Chi tiết: Sản xuất nước uống tinh khiết, nước giải khát đóng chai.

**Nhân sự**

Tổng số công nhân viên đến cuối kỳ kế toán là 69 người. Trong đó nhân viên quản lý 10 người.

Các thành viên của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng trong kỳ kế toán và đến ngày lập Báo cáo tài chính giữa niên độ này gồm có:

**Hội đồng quản trị**

- |                        |            |                            |
|------------------------|------------|----------------------------|
| • Ông Trần Trọng Bình  | Chủ tịch   | Bổ nhiệm ngày 28/06/2022   |
| • Ông Nguyễn Hoàng Nam | Chủ tịch   | Bổ nhiệm ngày 04/11/2021   |
|                        |            | Miễn nhiệm ngày 28/06/2022 |
| • Ông Nguyễn Thanh Hải | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 19/06/2020   |
| • Ông Ngô Minh Hải     | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 04/11/2021   |
| • Bà Nhữ Thị Việt Dung | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 28/06/2022   |
| • Ông Tăng Vũ Giang    | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 28/06/2022   |
| • Bà Nguyễn Thu Hà     | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 04/11/2021   |
|                        |            | Miễn nhiệm ngày 28/06/2022 |

**Ban Kiểm soát**

- |                        |            |                              |
|------------------------|------------|------------------------------|
| • Bà Lê Thị Ngọc       | Trưởng ban | Bổ nhiệm ngày 28/06/2022     |
| • Ông Nguyễn Thanh Lâm | Trưởng ban | Bổ nhiệm ngày 04/11/2021     |
|                        |            | Miễn nhiệm ngày 28/06/2022   |
| • Ông Nguyễn Văn Ánh   | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 04/11/2021     |
| • Ông Hoàng Anh Tuấn   | Thành viên | Bổ nhiệm lại ngày 19/06/2020 |

## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

### Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

- |                           |                   |  |
|---------------------------|-------------------|--|
| • Ông Ngô Minh Hải        | Tổng Giám đốc     | Bổ nhiệm ngày 04/11/2021                               |
| • Ông Nguyễn Trường Quang | Phó Tổng Giám đốc | Bổ nhiệm ngày 01/03/2022                               |
| • Ông Lương Minh Tuấn     | Phó Tổng Giám đốc | Bổ nhiệm ngày 01/07/2022                               |
| • Ông Tăng Vũ Giang       | Phó Tổng Giám đốc | Bổ nhiệm ngày 04/11/2021<br>Miễn nhiệm ngày 01/07/2022 |
| • Bà Nguyễn Thị Bích Trâm | Kế toán trưởng    | Bổ nhiệm ngày 04/01/2022                               |

### Kiểm toán độc lập

Báo cáo tài chính giữa niên độ này được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC (Trụ sở chính: Lô 78-80, Đường 30 Tháng 4, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng; Điện thoại: (84) 0236.3655886; Fax: (84) 0236.3655887; Website: www.aac.com.vn; Email: aac@dng.vnn.vn).

### Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực, hợp lý Báo cáo tài chính giữa niên độ này trên cơ sở:

- Tuân thủ các Quy định của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý hiện hành khác có liên quan;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính kế toán một cách hợp lý và thận trọng;
- Lập Báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục;
- Chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

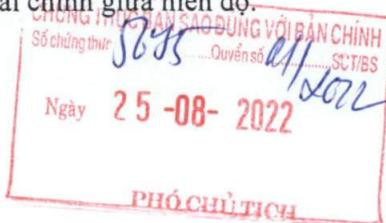
Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc Công ty, bằng báo cáo này xác nhận rằng: Báo cáo tài chính giữa niên độ bao gồm Bảng cân đối kế toán giữa niên độ, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ và Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm 30/06/2022 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2022, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc  
Tổng Giám đốc



Ngô Minh Hải

Bình Định, ngày 15 tháng 07 năm 2022





# CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN AAC

THÀNH VIÊN CỦA PRIMEGLOBAL

CHUYÊN NGÀNH KIỂM TOÁN - KẾ TOÁN - TÀI CHÍNH

Trụ sở chính: Lô 78 - 80, Đường 30 Tháng 4, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng

Tel: +84 (236) 3 655 886; Fax: +84 (236) 3 655 887; Email: aac@dng.vnn.vn; Website: http://www.aac.com.vn

Số: 753/2022/BCSX-AAC

## BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi:** Các Cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc  
Công ty Cổ phần Petec Bình Định

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ lập ngày 15/07/2022 của Công ty Cổ phần Petec Bình Định (sau đây gọi tắt là "Công ty"), đính kèm từ trang 5 đến trang 31, bao gồm: Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30/06/2022, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2022 và Bản thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ.

### Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực, hợp lý Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 "Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện".

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về vấn đề tài chính kế toán và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, xét trên các khía cạnh trọng yếu, chúng tôi không thấy có vấn đề gì để chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30/06/2022 và kết quả hoạt động kinh doanh cũng như các luồng lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2022, phù hợp Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC

T.N.H.H

KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN

AAC

Đ. HẢI CHÂU - TP. ĐÀ NẴNG

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC  
Số chứng thư: 5656 ..... Quyển số: ..... SCT/BS  
Ngày 25-08-2022  
PHÓ CHỦ TỊCH

Trần Thị Thu Hiền - Phó Tổng Giám đốc

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0753-2018-010-1

Đà Nẵng, ngày 15 tháng 07 năm 2022

■ Chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh:

47 - 49 Hoàng Sa (Tầng 3, Tòa nhà Hoàng Đan), Quận 1, TP. Hồ Chí Minh  
Tel: +84 (28) 3910 2235; Fax: +84 (28) 3910 2349

■ Chi nhánh tại Hà Nội:

Số 09 phố Duy Tân, (Tầng 6, Tòa nhà Việt Á), Quận Cầu Giấy, Hà Nội  
Tel: +84 (24) 3224 2403; Fax: +84 (24) 3224 2402

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ**  
Ngày 30 tháng 06 năm 2022

Mẫu số B 01 - DN  
Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT - BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2022 VND	01/01/2022 VND
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>132.841.310.333</b>	<b>52.105.311.643</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>		<b>4.868.362.723</b>	<b>23.636.129.039</b>
1. Tiền	111	5	4.868.362.723	23.636.129.039
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>4.476.677.730</b>	<b>200.000.000</b>
1. Chứng khoán kinh doanh	121	7.a	4.991.940.000	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122	7.a	(715.262.270)	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	6	200.000.000	200.000.000
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>105.629.082.441</b>	<b>20.218.638.136</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	8	98.612.901.602	21.071.238.468
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	9	7.475.344.819	1.914.367.380
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	10	2.504.983.940	324.525.527
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	11	(2.964.147.920)	(3.091.493.239)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>12</b>	<b>16.897.252.236</b>	<b>7.880.683.143</b>
1. Hàng tồn kho	141		16.897.252.236	7.880.683.143
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>969.935.203</b>	<b>169.861.325</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	13.a	969.935.203	169.861.325
2. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>27.659.140.108</b>	<b>28.949.227.437</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>26.730.152.474</b>	<b>27.868.104.177</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	14	25.829.504.474	26.967.456.177
- Nguyên giá	222		52.890.450.599	53.062.922.214
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(27.060.946.125)	(26.095.466.037)
2. Tài sản cố định vô hình	227	15	900.648.000	900.648.000
- Nguyên giá	228		900.648.000	900.648.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		-	-
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>811.488.070</b>	<b>1.046.067.352</b>
1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	7.b	5.479.064.524	5.479.064.524
2. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	7.b	(4.667.576.454)	(4.432.997.172)
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>117.499.564</b>	<b>35.055.908</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	13.b	117.499.564	35.055.908
2. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>160.500.450.441</b>	<b>81.054.539.080</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)**  
Ngày 30 tháng 06 năm 2022

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2022 VND	01/01/2022 VND
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>94.239.923.304</b>	<b>16.431.916.084</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>93.739.923.304</b>	<b>15.931.916.084</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	16	14.803.279.720	1.237.456.707
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	17	1.134.497.158	1.203.485.781
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	18	2.287.480.127	1.324.115.202
4. Phải trả người lao động	314		248.782.379	2.285.176.034
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	19	351.884.299	-
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		280.303.028	325.757.576
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	20.a	2.075.065.439	8.875.616.791
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	21	71.891.200.239	29.527.078
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		667.430.915	650.780.915
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>500.000.000</b>	<b>500.000.000</b>
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Phải trả dài hạn khác	337	20.b	500.000.000	500.000.000
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>66.260.527.137</b>	<b>64.622.622.996</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>22</b>	<b>66.260.527.137</b>	<b>64.622.622.996</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	22	40.391.470.000	40.391.470.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		40.391.470.000	40.391.470.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	22	(54.000.000)	(54.000.000)
3. Quỹ đầu tư phát triển	418	22	17.028.679.974	17.028.679.974
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	22	8.894.377.163	7.256.473.022
- LNST chưa phân phối lũy kể đến cuối kỳ trước	421a	22	6.956.473.022	3.719.221.986
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b	22	1.937.904.141	3.537.251.036
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>160.500.450.441</b>	<b>81.054.539.080</b>



Ngày 25-08-2022 Kế toán trưởng

PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Thị Bích Trâm

Người lập

Hồ Thị Phong Nguyệt

Bình Định, ngày 15 tháng 07 năm 2022

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG  
KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ**  
Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2022

Mẫu số B 02 - DN  
Ban hành theo TT số 200/2014/TT - BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	6 tháng đầu năm 2022 VND	6 tháng đầu năm 2021 VND
1. Doanh thu bán hàng & cung cấp dịch vụ	01	23	260.067.395.936	173.338.922.739
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		29.333.333	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng & cc dịch vụ	10		260.038.062.603	173.338.922.739
4. Giá vốn hàng bán	11	24	244.426.698.150	158.543.813.830
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng & cc dịch vụ	20		<u>15.611.364.453</u>	<u>14.795.108.909</u>
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	25	36.924.677	344.416.526
7. Chi phí tài chính	22	26	1.892.499.049	145.327.528
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		942.657.497	145.327.528
8. Chi phí bán hàng	25	27.a	9.785.044.954	10.234.220.820
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	27.b	1.745.309.526	2.432.678.257
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		<u>2.225.435.601</u>	<u>2.327.298.830</u>
11. Thu nhập khác	31	28	236.133.017	3.193.213.568
12. Chi phí khác	32	29	5.480.753	-
13. Lợi nhuận khác	40		<u>230.652.264</u>	<u>3.193.213.568</u>
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		<u>2.456.087.865</u>	<u>5.520.512.398</u>
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	30	518.183.724	1.110.702.480
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại			-	-
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		<u>1.937.904.141</u>	<u>4.409.809.918</u>
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	31	480	1.092
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	31	480	1.092

CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH  
Số chứng thực: 5688... Quyển số: 037... SGTBS  
Ngày 25-08-2022



Tổng Giám đốc

Ngô Minh Hải

Bình Định, ngày 15 tháng 07 năm 2022

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Bích Trâm

Người lập

Hồ Thị Phong Nguyệt

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ  
GIỮA NIÊN ĐỘ**  
Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2022

Mẫu số B 03 - DN  
Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT - BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	6 tháng đầu năm 2022 VND	6 tháng đầu năm 2021 VND
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		2.456.087.865	5.520.512.398
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao Tài sản cố định	02	14	1.137.951.703	899.825.123
- Các khoản dự phòng	03	7,11	822.496.233	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	25,28	(100.561.040)	(3.030.933.991)
- Chi phí lãi vay	06	26	942.657.497	145.317.528
3. Lợi nhuận từ hđ kd trước thay đổi vốn lưu động	08		5.258.632.258	3.534.721.058
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(85.283.098.986)	(4.710.652.879)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(9.016.569.093)	(1.353.306.004)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		5.708.471.003	1.148.047.693
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(882.517.534)	23.226.249
- Tăng giảm chứng khoán kinh doanh	13	7.a	(4.991.940.000)	-
- Tiền lãi vay đã trả	14	26	(942.657.497)	(145.317.528)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	18	(296.970.668)	(894.693.891)
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(283.350.000)	(206.600.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	20		<b>(90.730.000.517)</b>	<b>(2.604.575.302)</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Tiền chi để mua sắm XD TSCĐ và các TS DH khác	21		-	(818.680.409)
2. Tiền thu từ TLý, nhượng bán TSCĐ và các TS DH khác	22	28	63.636.363	6.363.856
3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	25	36.924.677	4.730.046
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	30		<b>100.561.040</b>	<b>(807.586.507)</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
1. Tiền thu từ đi vay	33		174.190.789.775	98.531.161.475
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	21	(102.329.116.614)	(98.164.570.225)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	(6.520.800)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	40		<b>71.861.673.161</b>	<b>360.070.450</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>	50		<b>(18.767.766.316)</b>	<b>(3.052.091.359)</b>
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	5	23.636.129.039	6.554.823.133
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>	70		<b>4.868.362.723</b>	<b>3.502.731.774</b>

CHỨNG THỰC BẢNG SƠ ĐỒ ĐỒNG VỚI BẢN CHÍNH  
Số chứng thực: 5079... Quyển số: SCT/BS  
Ngày 25-08-2022  
PHÓ CHỦ TỊCH



Ngô Minh Hải

Bình Định, ngày 15 tháng 07 năm 2022

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Bích Trâm

Người lập

Hồ Thị Phong Nguyệt

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Mẫu số B 09 - DN  
Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT - BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành  
và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

### 1. Đặc điểm hoạt động

#### 1.1. Khái quát chung

Công ty Cổ phần Petec Bình Định (tên viết tắt là “PETEC BIDICO” sau đây gọi tắt là “Công ty”) được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa Doanh nghiệp nhà nước (Công ty Thương nghiệp Tổng hợp Bình Định thuộc Ủy ban Nhân dân Tỉnh Bình Định chuyển đổi thành Công ty Cổ phần thương mại Bình Định) theo Quyết định số 35/2001/QĐ-UB ngày 14/05/2001 của Ủy ban Nhân dân Tỉnh Bình Định và Quyết định số 98/QĐ-CPTM ngày 14/04/2007 đổi tên Công ty Cổ phần Thương mại Bình Định thành Công ty Cổ phần Petec Bình Định của Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Thương mại Bình Định. Công ty được Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Định cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3503000014 ngày 15/05/2001, từ khi thành lập đến nay Công ty đã 14 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (nay là Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4100406219) và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 05/07/2022. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập hoạt động theo Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan.

#### 1.2. Lĩnh vực kinh doanh chính: Thương mại và dịch vụ.

#### 1.3. Ngành nghề kinh doanh chính

- Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan. Chi tiết: Bán buôn than đá và nhiên liệu rắn khác, bán buôn dầu thô, bán buôn xăng dầu và các sản phẩm liên quan và bán buôn khí đốt và các sản phẩm liên quan;
- Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh. Chi tiết: Bán lẻ xăng dầu và các sản phẩm liên quan;
- Bán buôn thực phẩm;
- Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống. Chi tiết: Mua bán thức ăn gia súc, hàng nông sản;
- Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc lá chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp. Chi tiết: Mua bán hàng công nghệ phẩm, sữa và các sản phẩm từ sữa, nước giải khát, thuốc lá, rượu, bia, mỹ phẩm, hàng thủ công mỹ nghệ;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: Kinh doanh bất động sản, đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng đô thị, khu công nghiệp; Cho thuê văn phòng, cửa hàng, ki ốt;
- Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại. Chi tiết: Tổ chức hội thảo, hội nghị, triển lãm quốc tế;
- Khách sạn;
- Nhà hàng, quán ăn, hàng ăn uống;
- Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng. Chi tiết: Sản xuất nước uống tinh khiết, nước giải khát đóng chai.

#### 1.4. Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**1.5. Cấu trúc doanh nghiệp**

Tại ngày 31/12/2021, Công ty có 6 đơn vị trực thuộc:

- Chi nhánh Công ty Cổ phần Petec Bình Định tại Thành phố Hồ Chí Minh;
- Cửa hàng Xăng dầu Trung Hậu - Đường Đào Tấn - TP Quy Nhơn;
- Cửa hàng Xăng dầu Trung Hậu - Đường Hùng Vương - TP Quy Nhơn;
- Cửa hàng Xăng dầu Phước Lộc - Tuy Phước - Bình Định;
- Cửa hàng Xăng dầu Hoài Hào - Hoài Nhơn - Bình Định;
- Cửa hàng Xăng dầu Chợ Gồm - Phù Cát - Bình Định.

**2. Niên độ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

Riêng Báo cáo tài chính giữa niên độ này được lập cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2022 (bắt đầu ngày 01/01/2022 và kết thúc ngày 30/06/2022).

Đơn vị tiền tệ dùng để ghi sổ kế toán và trình bày Báo cáo tài chính là Đồng Việt Nam (VND).

**3. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được hướng dẫn tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Hệ thống Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành.

**4. Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu****4.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm: Tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

**4.2 Các khoản đầu tư tài chính****Chứng khoán kinh doanh**

Chứng khoán kinh doanh là các loại chứng khoán và các công cụ tài chính khác (thương phiếu, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng hoán đổi,...) được Công ty nắm giữ vì mục đích kinh doanh.

Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm: giá mua cộng (+) các chi phí mua (nếu có) như chi phí môi giới, giao dịch, cung cấp thông tin, thuế, lệ phí và phí ngân hàng. Khoản cổ tức, lợi nhuận được chia cho giai đoạn trước ngày đầu tư được ghi giảm giá trị khoản đầu tư.

Sau ghi nhận ban đầu, chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán nếu giá thị trường của chứng khoán kinh doanh thấp hơn giá gốc.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

### **Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản tiền gửi có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi mà bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai, các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá ghi sổ sau khi đã đánh giá lại. Số dự phòng tổn thất được ghi giảm trực tiếp vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư.

Trường hợp các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ thì được đánh giá lại theo tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại thời điểm cuối kỳ kế toán.

### **Đầu tư góp vốn dài hạn vào công ty khác**

Đầu tư góp vốn dài hạn vào công ty khác là các khoản đầu tư mà Công ty không có quyền kiểm soát hoặc đồng kiểm soát, không có ảnh hưởng đáng kể đối với công ty nhận đầu tư.

Các khoản đầu tư góp vốn dài hạn vào công ty khác được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng. Các khoản cổ tức, lợi nhuận được chia bằng tiền hoặc phi tiền tệ cho giai đoạn trước ngày đầu tư được ghi giảm giá trị khoản đầu tư.

### **Dự phòng**

Dự phòng đối với khoản đầu tư góp vốn dài hạn vào công ty khác được thực hiện như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá thị trường của cổ phiếu;
- Trong trường hợp không xác định được giá thị trường của cổ phiếu thì dự phòng được trích lập căn cứ vào căn cứ vào khoản lỗ của bên nhận đầu tư.
- Đối với các công ty nhận đầu tư là đối tượng phải lập báo cáo tài chính hợp nhất thì dự phòng tổn thất được trích lập căn cứ vào báo cáo tài chính hợp nhất. Các trường hợp khác, dự phòng trích lập trên cơ sở báo cáo tài chính của công ty nhận đầu tư.

### **4.3 Các khoản nợ phải thu**

Các khoản nợ phải thu bao gồm: Phải thu khách hàng và phải thu khác.

- Phải thu khách hàng là các khoản phải thu mang tính chất thương mại, phát sinh từ các giao dịch có tính chất mua bán giữa Công ty và người mua;
- Phải thu khác là các khoản phải thu không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, nội bộ.

Các khoản nợ phải thu được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng nợ phải thu khó đòi. Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất tại thời điểm cuối kỳ kế toán đối với các khoản nợ đã quá hạn thu hồi, Công ty đã đòi nhiều lần nhưng vẫn chưa thu được hoặc chưa đến thời hạn thu hồi nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

### **4.4 Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên và giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp nhập trước xuất trước.

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm: Chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị thuần có thể thực hiện là giá bán ước tính trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành hàng tồn kho và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho từng mặt hàng khi giá trị thuần có thể thực hiện được của mặt hàng đó nhỏ hơn giá gốc.

### 4.5 Tài sản cố định hữu hình

#### Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế.

Nguyên giá bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí mà Công ty bỏ ra để có được tài sản cố định hữu hình tính đến thời điểm đưa tài sản cố định đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định hữu hình nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

#### Khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Thời gian khấu hao phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính. Cụ thể như sau:

<u>Loại tài sản</u>	<u>Thời gian khấu hao (năm)</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	5 - 40
Máy móc, thiết bị	5 - 20
Phương tiện vận tải	6 - 10
Thiết bị dụng cụ quản lý	3

### 4.6 Tài sản cố định vô hình

#### Nguyên giá

Tài sản cố định vô hình được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

#### Quyền sử dụng đất

TSCĐ vô hình là quyền sử dụng đất bao gồm:

- Quyền sử dụng đất được nhà nước giao có thu tiền sử dụng đất hoặc nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất hợp pháp (bao gồm quyền sử dụng đất có thời hạn, quyền sử dụng đất không thời hạn);
- Tiền thuê đất trả trước (đã trả cho cả thời gian thuê hoặc đã trả trước cho nhiều năm mà thời hạn thuê đất đã được trả tiền còn lại ít nhất là 05 năm) cho hợp đồng thuê đất trước ngày có hiệu lực của Luật Đất đai năm 2003 và được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Nguyên giá quyền sử dụng đất bao gồm tất cả các chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa đất vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**Khấu hao**

Tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất không có thời hạn thì không thực hiện khấu hao. Đối với quyền sử dụng đất có thời hạn thì thời gian trích khấu hao là thời gian được phép sử dụng đất của Công ty.

Tài sản cố định vô hình khác được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Thời gian khấu hao phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính.

**4.7 Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước được phân loại thành chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn. Đây là các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều thời kỳ. Các chi phí trả trước chủ yếu tại Công ty:

- Công cụ dụng cụ đã xuất dùng được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian không quá 3 năm;
- Chi phí sửa chữa lớn tài sản được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian không quá 3 năm;
- Chi phí bảo hiểm, thuê tài sản được phân bổ đều theo thời gian thực tế bảo hiểm, thuê tài sản;
- Các chi phí trả trước khác: Căn cứ vào tính chất, mức độ chi phí, Công ty lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ phù hợp trong thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

**4.8 Các khoản nợ phải trả**

Các khoản nợ phải trả bao gồm: Phải trả người bán và phải trả khác.

- Phải trả người bán là các khoản phải trả mang tính chất thương mại, phát sinh từ các giao dịch có tính chất mua bán giữa nhà cung cấp và Công ty;
- Phải trả khác là các khoản phải trả không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, nội bộ.

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận theo giá gốc, được phân loại thành nợ phải trả ngắn hạn và dài hạn căn cứ theo kỳ hạn nợ còn lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Các khoản nợ phải trả được Công ty theo dõi chi tiết theo đối tượng, kỳ hạn gốc, kỳ hạn nợ còn lại và theo nguyên tệ.

**4.9 Chi phí phải trả**

Các khoản phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

**4.10 Doanh thu chưa thực hiện**

Doanh thu chưa thực hiện tại Công ty là tiền nhận trước cho một hoặc nhiều kỳ kế toán đối với các dịch vụ cung cấp cho khách hàng được phân bổ theo số kỳ mà Công ty đã nhận tiền trước.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**4.11 Vay và nợ thuê tài chính**

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được phản ánh theo giá gốc và được phân loại thành nợ ngắn hạn, dài hạn căn cứ theo kỳ hạn nợ còn lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được Công ty theo dõi chi tiết theo đối tượng, theo các kế ước vay, kỳ hạn gốc, kỳ hạn nợ còn lại và theo nguyên tệ.

**Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty. Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí hoạt động trong kỳ phát sinh, trừ khi thỏa mãn điều kiện được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán “Chi phí đi vay”.

**4.12 Vốn chủ sở hữu**

Vốn góp của chủ sở hữu phản ánh số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

**Thặng dư vốn cổ phần**

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh số chênh lệch giữa giá phát hành với mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến phát hành cổ phiếu; Chênh lệch giữa giá tái phát hành với giá trị sổ sách, chi phí trực tiếp liên quan đến tái phát hành cổ phiếu quỹ; Cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đến hạn.

**Phân phối lợi nhuận**

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được trích lập các quỹ và chia cho các cổ đông theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên.

Cổ tức, lợi nhuận trả cho các cổ đông không vượt quá số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối và có cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức.

**4.13 Ghi nhận doanh thu và thu nhập khác**

- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có khả năng thu được các lợi ích kinh tế và có thể xác định được một cách chắc chắn, đồng thời thỏa mãn điều kiện sau:
  - ✓ Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi những rủi ro đáng kể và quyền sở hữu về sản phẩm đã được chuyển giao cho người mua và không còn khả năng đáng kể nào làm thay đổi quyết định của hai bên về giá bán hoặc khả năng trả lại hàng;
  - ✓ Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đã hoàn thành dịch vụ. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu trong từng kỳ được thực hiện căn cứ vào tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày kết thúc kỳ kế toán.
- Doanh thu hoạt động tài chính được ghi nhận khi doanh thu được xác định tương đối chắc chắn và có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó.
  - ✓ Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế;
  - ✓ Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức bằng cổ phiếu không được ghi nhận là doanh thu tài chính. Cổ tức nhận được liên quan đến giai đoạn trước đầu tư được hạch toán giảm giá trị khoản đầu tư.
- Thu nhập khác là các khoản thu nhập ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty, được ghi nhận khi có thể xác định được một cách tương đối chắc chắn và có khả năng thu được các lợi ích kinh tế.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

### 4.14 Giá vốn hàng bán

Giá vốn của sản phẩm, hàng hóa và dịch vụ tiêu thụ được ghi nhận đúng kỳ, theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu và nguyên tắc thận trọng.

Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho và dịch vụ cung cấp được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán trong kỳ, không tính vào giá thành sản phẩm, dịch vụ.

### 4.15 Chi phí tài chính

Chi phí tài chính phản ánh các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính: Chi phí lãi tiền vay, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, lỗ tỷ giá hối đoái và các khoản chi phí của hoạt động đầu tư khác.

### 4.16 Chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ.

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí thực tế phát sinh liên quan đến quản lý chung của doanh nghiệp.

### 4.17 Chi phí thuế TNDN hiện hành, chi phí thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ với thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích báo cáo tài chính.

### 4.18 Công cụ tài chính

#### Ghi nhận ban đầu

##### Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm: Tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư tài chính, phải thu khách hàng và phải thu khác.

##### Nợ phải trả tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó. Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác.

#### Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

17/1  
T.X  
.H  
KẾ  
P.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

### 4.19 Thuế suất và các lệ phí nộp Ngân sách mà Công ty đang áp dụng

- Thuế Giá trị gia tăng: Các mặt hàng xi măng, xăng dầu, công nghệ phẩm: Áp dụng mức thuế suất 10%. Các mặt hàng và dịch vụ khác áp dụng mức thuế suất theo quy định hiện hành.
- Thuế Thu nhập doanh nghiệp: Áp dụng mức thuế suất 20%.
- Các loại Thuế khác và Lệ phí nộp theo quy định hiện hành.

### 4.20 Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng (trực tiếp hoặc gián tiếp) kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động.

Đơn vị tính: VND

## 5. Tiền

	30/06/2022	01/01/2022
Tiền mặt	444.508.849	359.313.218
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	4.423.853.874	23.276.815.821
<b>Cộng</b>	<b>4.868.362.723</b>	<b>23.636.129.039</b>

## 6. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	30/06/2022	01/01/2022
Tiền gửi ngân hàng kỳ hạn 12 tháng	200.000.000	200.000.000
<b>Cộng</b>	<b>200.000.000</b>	<b>200.000.000</b>

Là khoản tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn tại thời điểm 30/06/2022 có giá trị 200.000.000 đồng đang được cầm cố tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương – Chi nhánh Quy Nhơn theo Hợp đồng cầm cố tài khoản số 233/VCB Bình Định ngày 24/12/2019.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)***(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***7. Các khoản đầu tư****a. Chứng khoán kinh doanh**

STT	31/12/2021				01/01/2021			
	Số lượng cổ phiếu	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Số lượng cổ phiếu	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
A	293.100	4.991.940.000	4.276.677.730	715.262.270	-	-	-	-
	293.100	4.991.940.000	4.276.677.730	715.262.270	-	-	-	-
	293.100	4.991.940.000	4.276.677.730	715.262.270	-	-	-	-
Cộng								

(i)  
Công ty CP Xuất nhập khẩu Nông sản Thực phẩm An Giang (AFX)

(i) Chứng khoán kinh doanh được đánh giá lại theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá giao dịch trên thị trường. Cổ phiếu AFX được niêm yết trên sàn Upcom thuộc Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX) nên dự phòng được trích lập căn cứ vào giá tham chiếu bình quân 30 ngày giao dịch liền kề gần nhất trước thời điểm lập Báo cáo tài chính giữa niên độ.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**b. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác**

	30/06/2022		01/01/2022					
	Tỷ lệ vốn	Tỷ lệ quyền quyết	Số lượng cổ phiếu	Giá gốc	Dự phòng	Số lượng cổ phiếu	Giá gốc	Dự phòng
Đầu tư vào đơn vị khác				5.479.064.524	4.667.576.454		5.479.064.524	4.432.997.172
- Công ty CP Cà phê Petec (PCF)	0,97%	0,97%	29.200	296.000.000	162.558.663	29.200	296.000.000	35.743.776
- Công ty CP Xăng dầu Dầu khí Nam Định (PND)	0,13%	0,13%	8.823	136.350.000	-	8.823	136.350.000	12.788.750
- Công ty CP Kho vận Petec (*)	2,78%	2,78%	200.000	2.000.000.000	2.000.000.000	200.000	2.000.000.000	2.000.000.000
- Công ty CP Xi măng Hà Tiên 1 (HT1) (**)	0,00%	0,00%	6	137.524	44.524	6	137.524	3.424
- Công ty CP BĐ sản và Kỹ thuật Xăng dầu Petec Land (*)	5,22%	5,22%	200.000	2.000.000.000	1.806.853.012	200.000	2.000.000.000	1.806.853.012
- TCT TM Kỹ thuật và Đầu tư - CT Cổ phần (PETEC) (PEG) Cộng	0,02%	0,02%	49.837	1.046.577.000	698.120.255	49.837	1.046.577.000	577.608.210
				<b>5.479.064.524</b>	<b>4.667.576.454</b>		<b>5.479.064.524</b>	<b>4.432.997.172</b>

(\*) Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính giữa niên độ, Công ty chưa nhận được Báo cáo tài chính giữa niên độ của các Công ty nhận đầu tư nên đã giữ nguyên mức trích lập tại thời điểm 31/12/2021.

(\*\*) Cổ phiếu HT1 được niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh nên dự phòng được trích lập căn cứ vào giá đóng cửa phiên giao dịch cuối cùng tại ngày 30/06/2022.

Các Công ty còn lại có cổ phiếu niêm yết trên Sàn chứng khoán Upcom thuộc Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX) nên dự phòng được trích lập căn cứ vào giá tham chiếu bình quân trong 30 ngày giao dịch liên kế gần nhất trước thời điểm lập Báo cáo tài chính giữa niên độ cho từng loại cổ phiếu.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**  
(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**8. Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

	30/06/2022	01/01/2022
Doanh nghiệp Tư nhân Hoài Thương	809.398.000	938.553.000
Công ty TNHH SX TM và DV Như Ý	2.405.781.500	2.224.051.500
Vật liệu xây dựng Thành Ly	1.801.796.584	1.133.923.712
Công ty CP Đầu tư Ego Việt Nam	34.061.912.279	-
Công ty TNHH Thương mại và Đầu tư Xây dựng Thiên Kim	19.989.440.416	-
Doanh nghiệp tư nhân kinh doanh thương mại Lê Tính	8.346.164.520	-
Công ty TNHH Đầu tư Thương mại và Kinh doanh Dịch vụ Phúc Khang	7.388.538.920	-
Các đối tượng khác	23.809.869.383	16.774.710.256
<b>Cộng</b>	<b>98.612.901.602</b>	<b>21.071.238.468</b>

**Trong đó: Phải thu khách hàng là các bên liên quan**

	30/06/2022	01/01/2022
Công ty Cổ phần Đầu tư Ego Việt Nam	34.061.912.279	-
<b>Cộng</b>	<b>34.061.912.279</b>	<b>-</b>

**9. Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	30/06/2022	01/01/2022
Công ty Xi măng Phúc Sơn	2.744.147.769	974.218.565
Công ty CP Xi măng Hoàng Long	2.117.400.000	-
Công ty Xi măng Nghi Sơn	296.799.050	721.510.865
Công ty TNHH CSS Asia	1.500.000.000	-
Các đối tượng khác	816.998.000	218.637.950
<b>Cộng</b>	<b>7.475.344.819</b>	<b>1.914.367.380</b>

**10. Phải thu ngắn hạn khác**

	30/06/2022		01/01/2022	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Tạm ứng	457.460.699	-	10.859.900	-
Các khoản phải thu khác	2.047.523.241	-	313.665.627	-
<b>Cộng</b>	<b>2.504.983.940</b>	<b>-</b>	<b>324.525.527</b>	<b>-</b>

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

### 11. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

	30/06/2022	01/01/2022
Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn	2.964.147.920	3.091.493.239
- Từ 3 năm trở lên	1.917.483.220	2.078.749.739
- Từ 2 năm đến dưới 3 năm	528.466.200	489.545.000
- Từ 1 năm đến dưới 2 năm	518.198.500	523.198.500
<b>Cộng</b>	<b>2.964.147.920</b>	<b>3.091.493.239</b>

### 12. Hàng tồn kho

	30/06/2022		01/01/2022	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng mua đang đi trên đường	2.170.207.473	-	2.437.845.908	-
Hàng hóa	14.727.044.763	-	5.442.837.235	-
<b>Cộng</b>	<b>16.897.252.236</b>	<b>-</b>	<b>7.880.683.143</b>	<b>-</b>

Không có hàng tồn kho ứ đọng, khó tiêu thụ tại thời điểm 30/06/2022.

Không có hàng tồn kho dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản nợ tại thời điểm 30/06/2022.

### 13. Chi phí trả trước

#### a. Ngắn hạn

	30/06/2022	01/01/2022
Tiền thuê đất	923.441.067	-
Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ	19.367.418	92.549.242
Các khoản khác	27.126.718	77.312.083
<b>Cộng</b>	<b>969.935.203</b>	<b>169.861.325</b>

#### b. Dài hạn

	30/06/2022	01/01/2022
Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ	40.582.488	-
Chi phí sửa chữa lớn TSCĐ	76.917.076	35.055.908
<b>Cộng</b>	<b>117.499.564</b>	<b>35.055.908</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**14. Tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	P.tiện vận tải truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
<b>Nguyên giá</b>					
Số đầu kỳ	33.627.228.625	7.366.727.343	11.943.680.046	125.286.200	53.062.922.214
Mua sắm trong kỳ	-	-	-	-	-
T/lý, nhượng bán	172.471.615	-	-	-	172.471.615
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>33.454.757.010</b>	<b>7.366.727.343</b>	<b>11.943.680.046</b>	<b>125.286.200</b>	<b>52.890.450.599</b>
<b>Khấu hao</b>					
Số đầu kỳ	13.990.154.987	7.281.834.024	4.698.190.826	125.286.200	26.095.466.037
Khấu hao trong kỳ	521.367.768	15.981.091	600.602.844	-	1.137.951.703
T/lý, nhượng bán	172.471.615	-	-	-	172.471.615
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>14.339.051.140</b>	<b>7.297.815.115</b>	<b>5.298.793.670</b>	<b>125.286.200</b>	<b>27.060.946.125</b>
<b>Giá trị còn lại</b>					
Số đầu kỳ	19.637.073.638	84.893.319	7.245.489.220	-	26.967.456.177
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>19.115.705.870</b>	<b>68.912.228</b>	<b>6.644.886.376</b>	<b>-</b>	<b>25.829.504.474</b>

- Giá trị còn lại tại ngày 30/06/2022 của TSCĐ hữu hình để thế chấp, cầm cố đảm bảo nợ vay là 19.593.275.481 đồng.
- Nguyên giá TSCĐ hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30/06/2022 là 16.099.115.552 đồng.

**15. Tài sản cố định vô hình**

	Quyền sử dụng đất lâu dài	Cộng
<b>Nguyên giá</b>		
Số đầu kỳ	900.648.000	900.648.000
Mua trong kỳ	-	-
Giảm trong kỳ	-	-
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>900.648.000</b>	<b>900.648.000</b>
<b>Khấu hao</b>		
Số đầu kỳ	-	-
Khấu hao trong kỳ	-	-
Giảm trong kỳ	-	-
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Giá trị còn lại</b>		
Số đầu kỳ	900.648.000	900.648.000
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>900.648.000</b>	<b>900.648.000</b>

- Quyền sử dụng đất lâu dài là Thửa đất số 1337, tờ bản đồ số 07 tại Xã Cát Hanh, Huyện Phù Cát, Tỉnh Bình Định. Diện tích: 1.080 m<sup>2</sup>. Mục đích sử dụng: Làm kho bãi phục vụ sản xuất kinh doanh.
- Giá trị còn lại tại ngày 30/06/2022 của TSCĐ vô hình dùng để cầm cố, thế chấp đảm bảo nợ vay là 900.648.000 đồng.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)***(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***16. Phải trả người bán ngắn hạn**

	30/06/2022	01/01/2022
CN Tổng Công ty Thương mại Kỹ thuật và Đầu tư - Công ty CP tại Bình Định	4.325.200.220	-
Công ty TNHH Kinh doanh và Dịch vụ Minh Hải	7.359.172.040	-
Công ty TNHH Vận tải và Dịch vụ Thương mại Tuệ Cát	1.516.344.000	501.084.891
Công ty CP Cảng Thị Nại	551.420.800	401.891.655
Các đối tượng khác	1.051.142.660	334.480.161
<b>Cộng</b>	<b>14.803.279.720</b>	<b>1.237.456.707</b>

**Trong đó: Phải trả người bán là các bên liên quan**

	30/06/2022	01/01/2022
CN Tổng Công ty Thương mại Kỹ thuật và Đầu tư - Công ty CP tại Bình Định	4.325.200.220	-
<b>Cộng</b>	<b>4.325.200.220</b>	<b>-</b>

**17. Người mua trả tiền trước ngắn hạn**

	30/06/2022	01/01/2022
Lương Thị Thanh	-	1.036.806.018
Công ty TNHH Vận tải Thương mại và Đầu tư Quốc Bảo	453.600.000	-
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Tổng hợp An Thịnh	561.497.090	-
Các đối tượng khác	119.400.068	166.679.763
<b>Cộng</b>	<b>1.134.497.158</b>	<b>1.203.485.781</b>

**18. Thuế và các khoản khác phải nộp Nhà nước**

	Đầu kỳ		Số phải nộp trong kỳ	Số thực nộp trong kỳ	Cuối kỳ	
	Phải thu	Phải nộp			Phải thu	Phải nộp
Thuế giá trị gia tăng	-	215.939.672	316.164.844	489.003.952	-	43.100.564
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	301.883.541	518.183.724	296.970.668	-	523.096.597
Thuế thu nhập cá nhân	-	163.401.137	121.448.695	119.587.510	-	165.262.322
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	642.890.852	1.846.882.137	933.752.345	-	1.556.020.644
Các loại thuế khác	-	-	8.000.000	8.000.000	-	-
<b>Cộng</b>	<b>-</b>	<b>1.324.115.202</b>	<b>2.810.679.400</b>	<b>1.847.314.475</b>	<b>-</b>	<b>2.287.480.127</b>

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của Cơ quan thuế, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính này có thể sẽ thay đổi theo quyết định của Cơ quan thuế.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**19. Chi phí phải trả ngắn hạn**

	30/06/2022	01/01/2022
Trích trước chi phí vận chuyển	351.884.299	-
<b>Cộng</b>	<b>351.884.299</b>	<b>-</b>

**20. Phải trả khác****a. Ngắn hạn**

	30/06/2022	01/01/2022
Kinh phí công đoàn	37.842.200	-
Nhận ký quỹ ký cược ngắn hạn	460.000.000	-
Công ty TNHH Vận tải, Thương mại và Đầu tư Quốc Bảo	-	7.271.841.672
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	1.370.066.808	1.370.066.808
Phải trả khác	207.156.431	233.708.311
<b>Cộng</b>	<b>2.075.065.439</b>	<b>8.875.616.791</b>

**b. Dài hạn**

	30/06/2022	01/01/2022
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	500.000.000	500.000.000
<b>Cộng</b>	<b>500.000.000</b>	<b>500.000.000</b>

**21. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn**

	Đầu kỳ	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Cuối kỳ
Vay ngắn hạn	29.527.078	174.190.789.775	102.329.116.614	71.891.200.239
- NH TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Quy Nhơn	29.527.078	139.549.365.469	102.179.116.614	37.399.775.933
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển VN - Chi nhánh Bình Định	-	34.641.424.306	150.000.000	34.491.424.306
<b>Cộng</b>	<b>29.527.078</b>	<b>174.190.789.775</b>	<b>102.329.116.614</b>	<b>71.891.200.239</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**  
(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**22. Vốn chủ sở hữu**

**a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư tại 01/01/2021	40.391.470.000	(54.000.000)	17.028.679.974	4.019.221.986	61.385.371.960
Tăng trong năm	-	-	-	3.537.251.036	3.537.251.036
Giảm trong năm	-	-	-	300.000.000	300.000.000
Số dư tại 31/12/2021	<u>40.391.470.000</u>	<u>(54.000.000)</u>	<u>17.028.679.974</u>	<u>7.256.473.022</u>	<u>64.622.622.996</u>
Số dư tại 01/01/2022	40.391.470.000	(54.000.000)	17.028.679.974	7.256.473.022	64.622.622.996
Tăng trong kỳ	-	-	-	1.937.904.141	1.937.904.141
Giảm trong kỳ	-	-	-	300.000.000	300.000.000
Số dư tại 30/06/2022	<u>40.391.470.000</u>	<u>(54.000.000)</u>	<u>17.028.679.974</u>	<u>8.894.377.163</u>	<u>66.260.527.137</u>

**b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

	30/06/2022	01/01/2022
Tổng Công ty Thương mại Kỹ thuật và Đầu tư - Công ty cổ phần (Petec)	12.740.640.000	12.740.640.000
Vốn góp của các cổ đông khác	27.650.830.000	27.650.830.000
Cộng	<u>40.391.470.000</u>	<u>40.391.470.000</u>

**c. Cổ phiếu**

	30/06/2022 Cổ phiếu	01/01/2022 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	4.039.147	4.039.147
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	4.039.147	4.039.147
- Cổ phiếu phổ thông	4.039.147	4.039.147
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	4.039.147	4.039.147
- Cổ phiếu phổ thông	4.039.147	4.039.147
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000VND	-	-

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

### d. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối

	6 tháng đầu năm 2022	Năm 2021
Lợi nhuận năm trước chuyển sang	7.256.473.022	4.019.221.986
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp năm này	1.937.904.141	3.537.251.036
Phân phối lợi nhuận	300.000.000	300.000.000
- Phân phối lợi nhuận năm trước (*)	300.000.000	300.000.000
+ Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	300.000.000	300.000.000
- Tạm phân phối lợi nhuận năm nay	-	-
<b>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối cuối năm</b>	<b>8.894.377.163</b>	<b>7.256.473.022</b>

(\*) Công ty phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 ngày 28/06/2022.

### 23. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	6 tháng đầu năm 2022	6 tháng đầu năm 2021
Doanh thu kinh doanh xi măng	71.083.473.520	81.633.961.865
Doanh thu kinh doanh xăng dầu	94.410.877.400	90.644.124.964
Doanh thu cho thuê nhà, kho bãi	62.030.966	56.727.272
Doanh thu từ hợp tác kinh doanh	2.189.957.915	1.004.108.638
Doanh thu kinh doanh thực phẩm	92.321.056.135	-
<b>Cộng</b>	<b>260.067.395.936</b>	<b>173.338.922.739</b>

### 24. Giá vốn hàng bán

	6 tháng đầu năm 2022	6 tháng đầu năm 2021
Giá vốn kinh doanh xi măng	63.060.467.698	73.592.457.676
Giá vốn kinh doanh xăng dầu	88.936.681.748	84.951.356.154
Giá vốn hợp tác kinh doanh	435.971.779	-
Giá vốn bán thực phẩm	91.993.576.925	-
<b>Cộng</b>	<b>244.426.698.150</b>	<b>158.543.813.830</b>

### 25. Doanh thu hoạt động tài chính

	6 tháng đầu năm 2022	6 tháng đầu năm 2021
Lãi tiền gửi	36.924.677	4.730.046
Lãi bán hàng trả chậm	-	339.686.480
<b>Cộng</b>	<b>36.924.677</b>	<b>344.416.526</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**  
(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**26. Chi phí tài chính**

	6 tháng đầu năm 2022	6 tháng đầu năm 2021
Chi phí lãi vay	942.657.497	145.327.528
Trích lập dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	949.841.552	-
<b>Cộng</b>	<b>1.892.499.049</b>	<b>145.327.528</b>

**27. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp**

**a. Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong kỳ**

	6 tháng đầu năm 2022	6 tháng đầu năm 2021
Chi phí nhân viên bán hàng	1.631.583.039	2.880.863.200
Chi phí công cụ, dụng cụ, đồ dùng văn phòng	960.198.934	52.509.090
Chi phí khấu hao tài sản cố định	619.389.450	817.234.649
Chi phí thuế, phí và lệ phí	402.910.944	427.180.872
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.469.785.965	5.917.156.099
Chi phí bằng tiền khác	701.176.622	139.276.910
<b>Cộng</b>	<b>9.785.044.954</b>	<b>10.234.220.820</b>

**b. Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong năm**

	6 tháng đầu năm 2022	6 tháng đầu năm 2021
Chi phí nhân viên quản lý	546.378.472	1.080.949.326
Chi phí dụng cụ, đồ dùng, văn phòng phẩm	1.844.659	89.172.865
Chi phí khấu hao tài sản cố định	82.590.474	82.590.474
Chi phí thuế, phí, lệ phí	64.496.140	66.337.866
Hoàn nhập dự phòng nợ phải thu khó đòi	(127.345.319)	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	788.056.592	762.237.082
Chi phí quản lý khác	389.288.508	351.390.644
<b>Cộng</b>	<b>1.745.309.526</b>	<b>2.432.678.257</b>

**28. Thu nhập khác**

	6 tháng đầu năm 2022	6 tháng đầu năm 2021
Tiền khoán quỹ	171.051.745	167.009.623
Thu nhập từ thanh lý TSCĐ	63.636.363	3.026.203.945
Thu nhập khác	1.444.909	-
<b>Cộng</b>	<b>236.133.017</b>	<b>3.193.213.568</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**  
(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**29. Chi phí khác**

	6 tháng đầu năm 2022	6 tháng đầu năm 2021
Chi phí phạt chậm nộp thuế	5.480.753	-
<b>Cộng</b>	<b>5.480.753</b>	<b>-</b>

**30. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

	6 tháng đầu năm 2022	6 tháng đầu năm 2021
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	2.456.087.865	5.520.512.398
Điều chỉnh các khoản thu nhập chịu thuế	134.830.753	33.000.000
- Điều chỉnh tăng	134.830.753	33.000.000
+ Chi phí không được trừ	-	-
+ Thù lao HĐQT, BKS không trực tiếp điều hành	129.350.000	33.000.000
+ Phạt thuế, phạt hành chính	5.480.753	-
- Điều chỉnh giảm	-	-
Tổng thu nhập chịu thuế	2.590.918.618	5.553.512.398
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>518.183.724</b>	<b>1.110.702.480</b>

**31. Lãi cơ bản/ Lãi suy giảm trên cổ phiếu**

	6 tháng đầu năm 2022	6 tháng đầu năm 2021
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	1.937.904.141	4.409.809.918
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận sau thuế	-	-
- Điều chỉnh tăng	-	-
- Điều chỉnh giảm (trích quỹ khen thưởng phúc lợi, quỹ thưởng Ban điều hành)	-	-
LN hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	1.937.904.141	4.409.809.918
Số lượng cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	4.039.147	4.039.147
<b>Lãi cơ bản, lãi suy giảm trên cổ phiếu</b>	<b>480</b>	<b>1.092</b>

(\*) Lãi cơ bản, lãi suy giảm trên cổ phiếu 6 tháng đầu năm 2022 có thể thay đổi tùy thuộc vào quyết định của Đại hội đồng cổ đông về việc trích quỹ khen thưởng phúc lợi, quỹ thưởng Ban điều hành từ lợi nhuận sau thuế năm 2022.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)***(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***32. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

	6 tháng đầu năm 2022	6 tháng đầu năm 2021
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	962.043.593	141.681.955
Chi phí nhân công	2.177.961.511	3.961.812.526
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.137.951.703	899.825.123
Chi phí dịch vụ mua ngoài	6.725.249.641	7.172.911.919
Chi phí khác bằng tiền	1.090.296.827	490.667.554
<b>Cộng</b>	<b>12.093.503.275</b>	<b>12.666.899.077</b>

**33. Báo cáo bộ phận**

Theo quy định của Chuẩn mực kế toán số 28 và Thông tư hướng dẫn Chuẩn mực này thì Công ty cần lập báo cáo bộ phận. Theo đó, bộ phận là một phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích kinh tế khác với các bộ phận khác. Ban Tổng Giám đốc Công ty đánh giá rằng Công ty hoạt động trong một bộ phận duy nhất là kinh doanh thương mại và một bộ phận địa lý chính là tỉnh Bình Định.

**34. Quản lý rủi ro****a. Quản lý rủi ro vốn**

Thông qua công tác quản trị nguồn vốn, Công ty xem xét, quyết định duy trì số dư nguồn vốn và nợ phải trả thích hợp trong từng thời kỳ để vừa đảm bảo hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông.

**b. Quản lý rủi ro tài chính**

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (rủi ro về lãi suất, rủi ro về tỷ giá và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

**Quản lý rủi ro thị trường:** Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự biến động lớn về lãi suất và giá.

*Quản lý rủi ro về lãi suất*

Rủi ro lãi suất của Công ty phát sinh chủ yếu từ các khoản vay đã ký kết. Để giảm thiểu rủi ro này, Công ty đã ước tính ảnh hưởng của chi phí lãi vay đến kết quả kinh doanh từng thời kỳ cũng như phân tích, dự báo để lựa chọn các thời điểm trả nợ thích hợp. Ban Tổng Giám đốc cho rằng rủi ro về biến động lãi suất ngoài dự tính của Công ty ở mức thấp.

*Quản lý rủi ro về giá*

Công ty mua hàng hóa từ nhà cung cấp trong nước để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, do đó sẽ chịu sự rủi ro từ việc thay đổi giá của hàng hóa đầu vào. Để giảm thiểu rủi ro này, Công ty lựa chọn những nhà cung cấp uy tín, quan hệ kinh doanh lâu năm và luôn yêu cầu được cung cấp những biến động về giá kịp thời nhất. Công ty còn tham khảo giá giữa các nhà cung cấp khác nhau để đảm bảo mua hàng với mức giá hợp lý nhất. Với chính sách quản lý về giá trên, Ban Tổng Giám đốc cho rằng rủi ro về biến động về giá hàng hóa ngoài dự tính của Công ty ở mức thấp.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

### Quản lý rủi ro tín dụng

Công ty bán hàng theo các phương thức sau: bán buôn thực phẩm, bán thông qua các đại lý và trực tiếp bán tại các cửa hàng.

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng nhiều biện pháp tùy vào các phương thức bán hàng:

- Đối với bán hàng thực phẩm: Quy định thời hạn thanh toán không quá 6 tháng.
- Bán hàng qua các đại lý: Công nợ của các đại lý được quản lý bằng việc cấp hạn mức dư nợ tối đa theo từng quý trong năm. Theo đó, mỗi đại lý sẽ có một mức dư nợ khác nhau và các khoản nợ vượt hạn mức sẽ bị tính lãi vay theo mức lãi suất của ngân hàng mà Công ty giao dịch.
- Bán hàng trực tiếp: Phần lớn công nợ được thu bằng tiền mặt. Do đó, rủi ro tín dụng đối với các khoản công nợ phải thu phát sinh từ hoạt động bán hàng trực tiếp ở mức thấp.

### Quản lý rủi ro thanh khoản

Để quản lý rủi ro thanh khoản, đáp ứng các nhu cầu về vốn, nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai, Công ty thường xuyên theo dõi và duy trì đủ mức dự phòng tiền, tối ưu hóa các dòng tiền nhận rồi, tận dụng được tín dụng từ khách hàng và đối tác, chủ động kiểm soát các khoản nợ đến hạn, sắp đến hạn trong sự tương quan với tài sản đến hạn và nguồn thu có thể tạo ra trong thời kỳ đó,...

Tổng hợp các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty theo thời hạn thanh toán như sau:

30/06/2022	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Phải trả người bán	14.803.279.720	-	14.803.279.720
Chi phí phải trả	351.884.299	-	351.884.299
Vay và nợ thuê tài chính	71.891.200.239	-	71.891.200.239
Phải trả khác	2.037.223.239	500.000.000	2.537.223.239
<b>Cộng</b>	<b>89.083.587.497</b>	<b>500.000.000</b>	<b>89.583.587.497</b>

01/01/2022	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Phải trả người bán	1.237.456.707	-	1.237.456.707
Vay và nợ thuê tài chính	29.527.078	-	29.527.078
Phải trả khác	8.875.616.791	500.000.000	9.375.616.791
<b>Cộng</b>	<b>10.142.600.576</b>	<b>500.000.000</b>	<b>10.642.600.576</b>

Ban Tổng Giám đốc cho rằng Công ty không có rủi ro thanh khoản và tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**  
(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Tổng hợp các tài sản tài chính hiện có tại Công ty được trình bày trên cơ sở tài sản thuần như sau:

30/06/2022	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Tiền và các khoản tương đương tiền	4.868.362.723	-	4.868.362.723
Đầu tư tài chính	4.476.677.730	811.488.070	5.288.165.800
Phải thu khách hàng	95.648.753.682	-	95.648.753.682
Phải thu khác	2.047.523.241	-	2.047.523.241
<b>Cộng</b>	<b>107.041.317.376</b>	<b>811.488.070</b>	<b>107.852.805.446</b>

01/01/2022	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Tiền và các khoản tương đương tiền	23.636.129.039	-	23.636.129.039
Đầu tư tài chính	200.000.000	1.046.067.352	1.246.067.352
Phải thu khách hàng	17.979.745.229	-	17.979.745.229
Phải thu khác	313.665.627	-	313.665.627
<b>Cộng</b>	<b>42.129.539.895</b>	<b>1.046.067.352</b>	<b>43.175.607.247</b>

**35. Thông tin về các bên liên quan**

**a. Các bên liên quan**

	Mối quan hệ
Tổng Công ty Thương mại Kỹ thuật và Đầu tư - Công ty cổ phần (Petec)	Công ty đầu tư
Chi nhánh TCT Thương mại Kỹ thuật và Đầu tư tại Bình Định	Đơn vị trực thuộc Công ty đầu tư
Công ty Cổ phần Đầu tư Ego Việt Nam	Bên liên quan với Tổng Giám đốc

**b. Các giao dịch trọng yếu với các bên liên quan phát sinh trong kỳ**

	6 tháng đầu năm 2022	6 tháng đầu năm 2021
<b>Bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>		
Công ty Cổ phần Đầu tư Ego Việt Nam	34.061.912.279	-
<b>Mua hàng</b>		
CN Tổng Công ty Thương mại Kỹ thuật và Đầu tư - Công ty CP tại Bình Định	57.991.223.931	7.923.399.900

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**  
(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**c. Thù lao của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và thu nhập của Ban Tổng Giám đốc**

	6 tháng đầu năm 2022 VND	6 tháng đầu năm 2021 VND
<b>Thù lao Hội đồng Quản trị</b>	<b>102.000.000</b>	<b>60.000.000</b>
Ông Nguyễn Hoàng Nam      Chủ tịch	30.000.000	-
Ông Nguyễn Thanh Hải      Thành viên	24.000.000	24.000.000
Ông Ngô Minh Hải      Thành viên	24.000.000	-
Bà Nguyễn Thu Hà      Thành viên	24.000.000	-
<b>Ban Kiểm soát</b>	<b>57.350.000</b>	<b>21.000.000</b>
Ông Nguyễn Thanh Lâm      Trưởng ban	24.000.000	-
Ông Hoàng Anh Tuấn      Thành viên	15.000.000	15.000.000
Bà Không Khánh Huyền      Thành viên	12.350.000	-
Ông Lê Quang Huy      Thành viên	6.000.000	6.000.000
<b>Lương và phụ cấp Ban Tổng Giám đốc</b>	<b>398.705.462</b>	-
Ông Ngô Minh Hải      Tổng Giám đốc	150.000.000	-
Ông Nguyễn Trường Quang      Phó Tổng Giám đốc	124.105.462	-
Ông Tăng Vũ Giang      Phó Tổng Giám đốc	124.600.000	-

**36. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán**

Không có sự kiện quan trọng nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính giữa niên độ.

**37. Số liệu so sánh**

Số liệu so sánh trên Bảng Cân đối kế toán giữa niên độ là số liệu trong Báo cáo tài chính của năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 đã được kiểm toán bởi AAC. Số liệu so sánh của Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và Báo cáo lưu chuyển giữa niên độ là số liệu trên Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2021.



Ngô Minh Hải

Bình Định, ngày 15 tháng 07 năm 2022



Nguyễn Thị Bích Trâm

Người lập

Hồ Thị Phong Nguyệt